

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08-02-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Công Khoan

Bà Nông Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về vụ xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khóm phố L, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1974

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn V kết hôn vào ngày 22/8/1993, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn ngày 01/9/1993. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhau tại thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng

Son, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm đầu. Quá trình chung sống từ năm 2012 vợ chồng dần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Nguyễn Văn V không chịu tu chí làm ăn, chơi cờ bạc, anh V đã nhiều lần bán tài sản nhà, và các tài sản trong gia đình thậm chí lấy cả tài sản của người khác để cầm trả nợ, chị H đã phải thế chấp lương để trả nợ cho anh V, nhiều lần chị đã bỏ qua và giúp anh V trả nợ, chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh V không nghe, không chịu thay đổi, anh Nguyễn Văn V đã từng có tiền án, tiền sự về đánh bạc; tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, chị H thấy anh V ngày càng lún sâu vào chơi cờ bạc. không thể thay đổi được nữa nên vợ chồng chị đã ly thân từ ngày 26/02/2016 đến nay, hiện nay không ai còn quan tâm gì đến nhau. Việc mâu thuẫn vợ chồng chị H đã nhờ thôn V và ủy ban nhân dân xã V hòa giải nhưng không thành. Hiện nay chị xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh V nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn V có 01 người con chung tên là Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 16/6/1994, hiện nay đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng nên chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn, anh Nguyễn Văn V không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện thôn V, xã V và xác minh tại Công an xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đại diện thôn V, xã V và Công an xã V đều khẳng định anh Nguyễn Văn V vẫn cư trú tại thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và lập biên bản niêm yết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn V vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Văn V không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Nguyễn Văn V vắng mặt tại Tòa án mặc dù

đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Có một người con chung tên là Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 16/6/1994 đã trưởng thành, chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Về án phí, buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Anh Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn V là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn V là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 01/9/1993 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn V là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Nguyễn Văn V không chịu trách nhiệm làm ăn, hay chơi cờ bạc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2016 đến nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn V thấy rằng: Anh Nguyễn Văn V không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết ly hôn và cũng không có ý kiến về việc chị Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn với anh. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn V có 01 người con chung tên là Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 16/6/1994, hiện nay

đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình riêng, chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H trình bày là không có, quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn V vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Có 01 người con chung tên là Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 16/6/1994 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2012/05925 ngày 30/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Văn V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- UBND xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Ngọc